

V I E T N A M E S E

BASIC COURSE

VOLUME VI

Lessons 69-83 .

INSTRUCTOR TEXT

Revised January 1982

DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE  
FOREIGN LANGUAGE CENTER

## CONTENTS

### Keys for Translation and Listening Comprehension Exercises

#### Lesson 69

|                              |     |
|------------------------------|-----|
| Translation (VN-EN).....     | 1   |
| Translation (EN-VN).....     | 2   |
| Listening Comprehension..... | 3-4 |

#### Lesson 70

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 9     |
| Translation (EN-VN).....     | 10    |
| Listening Comprehension..... | 11-12 |

#### Lesson 71

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 17    |
| Translation (EN-VN).....     | 18    |
| Listening Comprehension..... | 19-20 |

#### Lesson 72

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 25    |
| Translation (EN-VN).....     | 26    |
| Listening Comprehension..... | 27-28 |

#### Lesson 73

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 34    |
| Translation (EN-VN).....     | 35-36 |
| Listening Comprehension..... | 37-38 |

#### Lesson 74

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 44    |
| Translation (EN-VN).....     | 45-46 |
| Listening Comprehension..... | 47-48 |

#### Lesson 75

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 54    |
| Translation (EN-VN).....     | 55-56 |
| Listening Comprehension..... | 57-58 |

## CONTENTS

### Lesson 76

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 64    |
| Translation (EN-VN).....     | 65    |
| Listening Comprehension..... | 66-67 |

### Lesson 77

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 73-74 |
| Translation (EN-VN).....     | 75    |
| Listening Comprehension..... | 76-77 |

### Lesson 78

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 83    |
| Translation (EN-VN).....     | 84    |
| Listening Comprehension..... | 85-86 |

### Lesson 79

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Translation (VN-EN).....     | 92    |
| Translation (EN-VN).....     | 93    |
| Listening Comprehension..... | 94-95 |

### Lesson 80

|                              |         |
|------------------------------|---------|
| Translation (VN-EN).....     | 101     |
| Translation (EN-VN).....     | 102     |
| Listening Comprehension..... | 103-104 |

### Lesson 81

|                              |         |
|------------------------------|---------|
| Translation (VN-EN).....     | 110     |
| Translation (EN-VN).....     | 111     |
| Listening Comprehension..... | 112-113 |

### Lesson 82

|                              |         |
|------------------------------|---------|
| Translation (VN-EN).....     | 119     |
| Translation (EN-VN).....     | 120     |
| Listening Comprehension..... | 121-122 |

### Lesson 83

|                              |         |
|------------------------------|---------|
| Translation (VN-EN).....     | 128-129 |
| Translation (EN-VN).....     | 130     |
| Listening Comprehension..... | 131-132 |

## Note to Instructors

This is the Instructor Text, to be used by Instructors only. It contains the keys for correcting the following exercises and tests:

1. Translation Exercises (from Lesson 69 to Lesson 83)
  - a. Translation from Vietnamese into English
  - b. Translation from English into Vietnamese
2. Listening Comprehension Exercises (from Lesson 69 to Lesson 83)
  - a. Text of the Dialog
  - b. Questions related to the Dialog
  - c. English Translation of the Dialog
3. Lesson Criterion-Referenced Tests (from Lesson 69 to Lesson 83)
  - a. Vocabulary in Context
  - b. Written Interpretation
  - c. Listening Comprehension
  - d. Dictation

Each Instructor Text will be issued to Instructors with a control number. Security measures must be taken to prevent the material from being used for cheating purposes.

## PART III.

TRANSLATION  
(Vietnamese-English)

A.

1. Members of the Department of Education of Hồ Chí Minh city devoted special attention to the illiteracy eradication program.
2. Under the old regime, although many high schools, specialized schools and universities were built in the cities, a great many people still could not read and write.
3. Of the people in the countryside in particular, only ten or twelve out of every 100 could read, write and do simple arithmetic.
4. That is why the primary requirement now is that, within the next two years, all the people should be able to read, write and do simple arithmetic.
5. Officials of the Offices of Education accept this program as the right one and strive to work so that in two more years they will have eliminated illiteracy.
6. But there are a number of officials who don't agree with them, because if the people of the countryside toil from morning till night, they cannot have time to go to school.
7. That is why some people suggest that the older adults and the young study during the day and the younger adults strive to study at night.
8. If needed, the gaps between working hours could be used to teach them. But the main problem is to enable all the people to read, write and do simple arithmetic.
9. All government personnel that attended the lecture session agree with the above suggestion. The program for eradication of illiteracy will begin this June.

## PART III.

## TRANSLATION

B.

(English-Vietnamese)

1. Chính phủ nào cũng có một chính sách tiêu diệt nạn mù chữ ở trong nước.
2. Theo chính sách chính thức ở Việt Nam thì nhân viên của Bộ Văn Hóa phải lập một chương trình và phụ trách chương trình ấy.
3. Ở nhiều nước, công tác này thường được giao cho các trường trung học trong vùng. Vì vậy khi áp dụng chính sách của chính phủ thường vùng này khác vùng kia.
4. Ví dụ, có một trường trung học buộc người lớn và người già trong vùng theo học chương trình trung học.
5. Vì vậy, chính phủ Việt Nam nhấn mạnh rằng mục tiêu chính của chương trình này là dạy dân chúng ở nông thôn học đọc và học viết.
6. Chính phủ cũng ra lệnh cho sở văn hóa chú trọng đến các trường cao đẳng và kỹ thuật.
7. Chính phủ muốn lập một số cán bộ kỹ thuật. Các cán bộ này sẽ công tác trong các cơ sở mới xây dựng.
8. Cùng lúc đó, chính phủ muốn giúp các học sinh tốt nghiệp trung học mà không muốn đi đại học có cơ hội (dịp) đi học ở một trường kỹ thuật hay cao đẳng.
9. Để có một chính sách tốt nhất trong việc chống tiêu diệt nạn mù chữ, chính phủ buộc mọi nhân viên sở văn hóa phải gửi một đề nghị đến Đại học Sai-gon.
10. Theo báo cáo ngày 15 tháng giêng năm nay thì có nhiều nhân viên chính phủ ở sở Văn Hóa không đồng ý với chính sách do trường Đại học đề nghị.

## PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

## A. Dialog Hùng và Quý

Hùng: Anh cho tôi biết về tổ chức văn hóa ở Việt Nam.

Quý: Bậc nào anh?

Hùng: Từ trung học đến đại học.

Quý: Trung học mất 7 năm còn đại học thì tùy ngành.

Hùng: Nếu tôi không muốn đi đại học thì sao?

Quý: Anh có thể vào trường kỹ thuật hay cao đẳng.

Hùng: Trường cao đẳng khác trường đại học thế nào?

Quý: Ví dụ nếu anh muốn học làm giáo sư trung học thì anh phải vào trường cao đẳng, còn nếu học để ra bác sĩ thì anh phải vào trường đại học.

## Questions

1. Hùng muốn biết gì?
2. Bậc trung học ở Việt Nam gồm có mấy năm?
3. Học xong trung học rồi muốn học nữa thì đi học ở đâu?
4. Trường cao đẳng dạy gì? Một học sinh muốn sau này dạy bậc trung học thì phải tiếp tục học ở trường nào?
5. Còn nếu muốn trở thành bác sĩ thì phải học ở trường nào?

## B. Translation of the Dialog

Hung: Tell me about the educational organizations in Vietnam.

Qui: Which levels?

Hung: From middle school to the university (level).

Qui: Middle school takes seven years. As for college, that depends on the field (or study).

Hung: What if I don't want to go to college?

Qui: You can enter (a) technical school or (an) institute of higher learning.

Hung: How is an institute of higher learning different from a university?

Qui: For example, if you want to study to be a middle school teacher, you must go to an institute of higher learning, and (if you want) to study to be a doctor, you must go to a university.

## PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

- A. (1) Vocabulary in Context: The following 20 words or phrases will be read first in context and then in isolation. Write the contextual meaning, in English, of each word or phrase after the second reading.

1st reading Tôi mua áo sơ mi

2nd reading áo sơ mi

If you write down shirt, it is correct.

1. Phải xóa nạn mù chữ.
2. Anh định học ngành gì?
3. Chúng ta phải tranh thủ lao động.
4. Kỹ thuật ngày càng cao.
5. Vùng này không có công xưởng.
6. Ai cũng coi trọng văn đề văn hóa.
7. Hiện nay tôi học ngày lẫn đêm.
8. Phải đẩy mạnh chương trình văn hóa.
9. Chúng tôi là học sinh.
10. Người già ở với ai?
11. Trường cao đẳng dạy làm gì?
12. Kỹ thuật thực hành rất tốt.
13. Người mù không đọc được chữ.
14. Sông dưới chê độ nào cũng được.
15. Đứng giữa đường nguy hiểm.
16. Phải tiêu diệt giặc dốt.
17. Toàn thể nhân dân ủng hộ chính phủ.
18. Trong vòng hai tuần nữa mới xong.
19. Phải đào tạo thêm nhân viên kỹ thuật.
20. Người lớn không được vào.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation of each sentence.

1. Đây là cách làm cụ thể của chúng tôi.
2. Việc quan trọng nhất là xóa nạn mù chữ.
3. Chúng ta phải đào tạo đội ngũ kỹ thuật.
4. Người lớn cũng học, người già cũng học.
5. Phải đẩy mạnh chương trình này.
6. Giờ lao động từ 8 giờ đến 5 giờ.
7. Trường kỹ thuật có học sinh vừa học vừa làm.
8. Nhân dân nông thôn vẫn không biết chữ.
9. Anh muốn biết về bậc trung học hay đại học?
10. Các cháu thiếu nhi học ngày học đêm.

#### Translation

1. This is our concrete way of doing (things).
2. The most important thing is to eradicate illiteracy.
3. We must train technical teams.
4. Younger and older adults alike study (The younger adults also study, older adults also study).
5. We must step up this program.
6. Working hours are from 8:00 to 5:00.
7. The technical school has students who both study and work.
8. The people in the rural areas/countryside still don't know how to read and write.
9. Do you want to know about the middle/high school or the college level?
10. The youngsters study day and night.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Chính phủ nào cũng đề ý đến hai vấn đề 1) xóa bỏ nạn mù chữ 2) tổ chức chương trình văn hóa nước nhà.

Vì chế độ cũ chỉ đề ý đến công tác xây dựng các trường trong các thành phố nên nhân dân thành phố biết đọc, biết viết, trong khi đó thì nhân dân nông thôn mù chữ là nạn nhân của "giặc đốt".

Gần chương trình văn hóa thì không cụ thể. Vì thế học sinh học xong bậc trung học rồi vẫn không biết gì cả.

Vì lý do ấy ngày nay chính phủ rất đề ý đến việc xây cất các trường kỹ thuật. Học sinh nào không vào đại học được thì phải đến học ở các trường này.

#### Questions

1. Chính phủ đề ý đến vấn đề gì?
2. Chế độ cũ đề ý đến công tác gì?
3. Theo chính sách trên thì ai là nạn nhân của "giặc đốt"?
4. Chương trình văn hóa dưới chế độ cũ thế nào?
5. Nếu học sinh không vào đại học được thì đi học ở đâu?

#### Answers

1. to eradicate illiteracy and to organize a national education system
2. to build schools in the cities
3. the people in the rural areas/countryside
4. It was not concrete.
5. to a technical school

B. Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Yêu cầu chính hiện nay là làm cho dân có đủ ăn.
2. Có ăn thì mới có thể học ngày học đêm được.
3. Sống dưới chế độ cũ khổ lắm.
4. Kỹ thuật nói đây là kỹ thuật thực hành.
5. Do đó chúng tôi nghĩ việc xây dựng các trường cao đẳng rất cần.
6. Chỉ trong vòng vài tháng nữa thì tất cả nhân dân ta đều biết đọc, biết viết.
7. Học cụ thể sau này sẽ giúp các học sinh tìm việc làm dễ.
8. Các học sinh phải đặc biệt coi trọng việc chọn ngành học.
9. Giờ lao động sáng từ 8 đến 11 giờ, trưa từ 1:30 đến 5 giờ.
10. Chế độ mới đặc biệt chú trọng tiêu diệt nạn mù chữ.

## PART III.

TRANSLATION  
(Vietnamese-English)

A.

1. The government constantly pays special attention to the problem of supplying enough provisions for the people to eat. The remaining portion of food supplies is exchanged for raw materials or (other) materials for use within the country.
2. But in the present, specific situation, when provisions are short and there are not enough crops to feed the people, how can we make exchanges for raw, and other, materials?
3. In this situation, the Ministry of Agriculture has motivated the people to apply new technology in agricultural work.
4. If a location lacks machinery for farming, the government will lend money to buy the machinery. If there are no technical personnel at a location, the Ministry of Agriculture will send personnel to help.
5. According to the Agricultural 5-year Plan, the harvest yield will quadruple in the third year. This amount will be enough to insure a supply of food for the people and to use for export.
6. But if we want good results in agriculture, the Ministry of Agriculture must solve technological problems and overcome other obstacles.
7. The technological problems include the machinery and the training of agricultural technology teams. Additionally, the Ministry must set up sectors (in which) to keep rice, corn and other crops.
8. There are two advantages to concentrating the places for keeping rice and corn: 1) the people can check on the amount harvested, and 2) trains can be used to transport the harvest straight to Haiphong or Ho Chi Minh City for exportation.

PART III  
B.

TRANSLATION  
(English-Vietnamese)

1. Hơn 70 o/o nhân dân Việt lấy nông nghiệp làm cơ sở sống. Nhưng dân vẫn không đủ ăn. Nếu năm nào bị mất mùa thì dân bị đói.
2. Mặc dù nhân dân nông thôn đã hết sức lao động, nhưng kết quả thu hoạch vẫn chưa được như mong muốn. Vậy vấn đề thiếu lương thực cho dân cần phải giải quyết ngay.
3. Chính phủ chỉ định bộ nông nghiệp phụ trách công tác tìm hiểu cách làm ruộng hiện nay của dân ở mấy tỉnh miền Nam và vùng Thái Bình ở miền Bắc.
4. Sau sáu tháng đi thăm hai miền trên, đội ngũ nông nghiệp báo cáo kết quả cuộc kiểm tra như sau: 1) nhiều miền dân làm ruộng một mùa, 2) họ vẫn áp dụng kỹ thuật nông nghiệp cũ và 3) thiếu phân bón v.v..
5. Họ đề nghị lập một đội ngũ kỹ thuật nông nghiệp. Đội ngũ này sẽ huấn luyện nhân dân cách dùng máy, móc trong công tác làm ruộng và công tác áp dụng phân bón để tăng số lượng thu hoạch.
6. Hơn 70 o/o người dân Việt Nam sống về nông nghiệp, thế mà số lượng thu hoạch không đủ cung cấp cho dân cả nước thì đang buồn thật.
7. Trong khi đó, chỉ có hơn 5 o/o dân Mỹ sống về nông nghiệp. Số lượng thu hoạch chẳng những thừa đủ để cung cấp cho cả nước mà còn xuất khẩu hay viện trợ cho các nước khác nữa.
8. Số lượng thu hoạch cao vì kỹ thuật nông nghiệp cao. Bộ nông nghiệp huấn luyện và giúp đỡ dân làm ruộng. Chính phủ bảo vệ gia lúa, ngô và các hoa màu khác.

## PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

## A. Dialog Lâm và Lộc

Lâm: Anh nghĩ năm nay hoa màu có khá không?

Lộc: Tôi sợ bị mất mùa anh ạ.

Lâm: Như vậy vấn đề trao đổi lương thực lấy nguyên liệu bị khó khăn rồi.

Lộc: Tôi cũng quan tâm nhiều đến vấn đề đó.

Lâm: Tại sao năm nay số lượng thu hoạch kém vậy?

Lộc: Vì vừa thiếu mưa vừa thiếu phân bón.

Lâm: Vậy phải giải quyết cả hai vấn đề này ngay mới được.

## Questions

1. Lâm hỏi Lộc về vấn đề gì?
2. Lâm nghĩ vấn đề gì sẽ gặp khó khăn?
3. Vì lý do gì năm nay bị mất mùa?
4. Họ thấy phải làm gì và bao giờ?

## PART IV.

## B. Translation of the Dialog

Lâm: Do you think that the crops will be pretty good this year?

Lộc: I'm afraid it will be a bad year.

Lâm: Then the matter of exchanging food provisions for raw materials becomes difficult.

Lộc: I'm also very concerned about that problem.

Lâm: Why will the harvest be so poor this year?

Lộc: Both because of a lack of rain and a lack of fertilizer.

Lâm: In that case, we must solve both of these problems right away.

PART V.  
A. (1)

## LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Năm nay phải nhập khẩu nhiều vật liệu.
2. Áp dụng chương trình nông nghiệp năm năm.
3. Số lượng lúa ngày càng tăng.
4. Mỗi người có một quan điểm.
5. Nhưng ai cũng muốn giải quyết nạn mù chữ.
6. Đứng trên phạm vi này mà nói thì
7. phong trào xây dựng nông nghiệp
8. còn gặp nhiều trở ngại.
9. Thứ nhất là thiếu máy móc.
10. Thứ hai là ít người quan tâm
11. Đền công tác lập cơ sở tại vùng.
12. Vì vậy việc trao đổi ý kiến
13. Hay lập trường thường gặp khó khăn.
14. Nên kết quả không được tốt.
15. Trong hoàn cảnh hiện nay.
16. Hoa màu không đủ
17. thì bảo đảm cái gì được.
18. Nhưng chúng ta phải vượt qua các trở ngại.
19. Đề tăng số lượng thu hoạch
20. Đề cung cấp lương thực cho dân.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Mương và máng dùng để dẫn nước vào ruộng.
2. Chúng tôi phát động nhân dân làm ruộng.
3. Họ được cung cấp máy móc và vật liệu.
4. Kết quả ra sao vài năm nữa sẽ biết.
5. Trong phạm vi nông nghiệp chúng tôi còn kém.
6. Chúng tôi thường gặp nhiều trở ngại.
7. Hai trở ngại chính là việc dùng máy móc, và vấn đề nước.
8. Nhưng hai trở ngại này không làm chúng tôi ngừng đẩy mạnh phong trào làm ruộng.
9. Yêu cầu chính hiện nay là phải có đủ lương thực cho nhân dân.
10. Họ phải hiểu rõ hoàn cảnh cụ thể của họ trước khi tiến công làm ruộng.

#### Translation

1. Irrigation ditches and gutters are used to direct water into the rice fields.
2. We motivate the people to farm.
3. They have been provided with machinery and material.
4. (We) will know about the results in a few years.
5. We are still weak in the area of agriculture.
6. We often encounter many obstacles.
7. The two main obstacles are the use of machinery and the water problem.
8. But these two obstacles won't make us stop pushing the farming movement.
9. The main requirement at the present time is that we must have enough food for the people.
10. They must clearly understand their specific situation before (they) attack farming.

- (3) Listening Comprehension: Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Người Việt lấy nông nghiệp làm cơ sở. Nhưng trong hoàn cảnh cụ thể của họ, lương thực năm nào đủ cho dân ăn là may mắn. Năm nào trời không mưa, thiếu nước là mất mùa, dân bị đói.

Tại sao như vậy? Vì kỹ thuật nông nghiệp của người Việt còn kém. Họ vẫn áp dụng cách làm ruộng cách đây hàng trăm năm trước. Họ dùng trâu thay máy móc v.v..

Chính phủ nên giúp đỡ họ bằng cách

1. thành lập đội ngũ kỹ thuật nông nghiệp
2. cung cấp vật liệu
3. cung cấp máy móc.

Nếu được như vậy thì chỉ trong vòng vài năm số lượng thu hoạch sẽ cao.

#### Questions

1. Dân bị đói trong những năm nào?
2. Kỹ thuật nông nghiệp của người Việt thế nào?
3. Họ dùng gì thay máy móc?
4. Kể một trong 3 cách chính phủ nên giúp nhân dân làm ruộng.
5. Nếu được chính phủ giúp đỡ đầy đủ thì bao lâu nữa, số lượng thu hoạch sẽ cao?

#### Answers

1. year of drought
2. poor
3. buffaloes
4. a) to form an agricultural technology team  
b) to supply material  
c) to provide machinery
5. in a few years

## PART V.

## B.

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Chính phủ bao giờ cũng quan tâm đến vấn đề cung cấp lương thực cho dân.
2. Chế độ mới đặc biệt coi trọng việc giúp đỡ người làm ruộng.
3. Chính phủ giúp đỡ bằng cách dạy kỹ thuật và cung cấp vật liệu.
4. Nhưng ở các nước chậm tiến, kỹ thuật nông nghiệp thường thương rất kém.
5. Năm nào trời không mưa, thiếu nước thì người dân bị đói.
6. Bộ nông nghiệp được chính phủ chỉ định tìm hiểu lý do.
7. Báo cáo được gửi về bộ với các đề nghị cụ thể.
8. Nhưng quan điểm của người đọc khác người viết.
9. Người dân vẫn áp dụng cách làm ruộng hàng trăm năm trước.
10. Trong phạm vi nông nghiệp, họ còn phải vượt qua nhiều trở ngại đáng kể.

## PART III.

TRANSLATION  
(Vietnamese-English)

A.

1. According to foreign experts, the Soviets are presently doing research on the manufacture of a new model of MIG.
2. This type of MIG can not only avoid/evade and destroy a Cruise missile, it also can not be detected by radar facilities.
3. Equipped with radar and modern electronic equipment, this aircraft has the speed of twice the speed of sound.
4. The TU-95 spying aircraft, bearing the abbreviated name of the chief engineer TUPELOV, is often used for taking pictures of military installations.
5. The IL-62 aircraft, bearing the abbreviated name of the chief engineer ILYUSHIN, is used to transport personnel, foodstuffs, or military equipment.
6. The TU-95 spying aircraft recently flew close to the air space of Japan, Hong Kong and the Philippines.
7. Because of the above-mentioned activities of the Russian aircraft, the Japanese and U.S. air forces ordered a number of fighter aircraft to take off and be prepared to engage (the enemy) if necessary.
8. But luckily no firing incidents had yet occurred in the air. The Russian aircraft just flew by once and did not return.
9. According to last month's report, IL-62 aircraft land at Đà Nẵng two or three times a week.
10. This military aircraft transports electronic equipment and personnel for training to Vietnam.

## PART III.

TRANSLATION  
(English-Vietnamese)

B.

1. Máy bay nào của Liên Xô cũng mang một tên viết tắt.
2. Tên viết tắt của mọi loại máy bay thường là tên của người chế tạo ra nó.
3. Thí dụ máy bay TU là tên viết tắt của công trình sư Tupovlef.
4. Máy bay Liên Xô mà ta thường nghe nhiều nhất là máy bay MIG. Tên MIG là tên của Mi-ca-i-an và Gu-rê-rít ghép lại, hai ông kỹ sư này đã phác họa và chế tạo ra máy bay.
5. Ngoài tên tắt ra, máy bay Liên xô còn có số nữa - thí dụ MIG-15.
6. Số ở đây chỉ định thể hệ của chiếc máy bay.
7. MIG hiện đại nhất là MIG-29, thường được dùng để tiêu diệt các tên lửa hành trình.
8. MIG-23 có ba kiểu: kiểu thứ nhất có tốc độ gấp hai lần tốc độ âm thanh.
9. Kiểu thứ hai là MIG 23B, ngoài tốc độ kẻ trên MIG-23 còn có cánh được bố trí hẳn về phía sau.
10. Kiểu thứ ba, MIG-23U, có hai chỗ ngồi và thường được dùng vừa để huấn luyện vừa để chiến đấu.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE  
A. Dialog

Hải và Long

Long: Tại sao máy bay "MIG" có tên như vậy?

Hải: "MIG" là tên tắt của công trình sư Mi-ca-i-an, và kỹ sư Gu-rê-rít.

Long: Vậy loại máy bay Nga Xô nào cũng có tên tắt à?

Hải: Đúng thế.

Long: Có mấy thế hệ máy bay MIG tắt cả anh?

Hải: Ồ xem nào. MIG-1 là "anh cả" ra đời năm 47, MIG-15 rồi đến MIG 17, 19, 21, 23 và mới nhất là MIG 29.

Long: Nghe nói MIG-23 có ba kiểu có đúng không anh?

Hải: Đúng, các kiểu khác nhau ở chỗ bố trí cánh thôi.

Long: Còn MIG-29 thì sao?

Hải: Ngoài các trang bị hiện đại nó còn có phương tiện tiêu diệt tên lửa hành trình nữa.

Questions

1. Tên MIG ở đâu ra?
2. Có mấy thế hệ máy bay MIG?
3. "Anh cả" của MIG ra đời năm nào?
4. Thế hệ MIG nào có nhiều kiểu?
5. Và khác nhau ở chỗ nào?
6. Thế hệ MIG nào mới nhất?
7. Và có phương tiện gì đặc biệt nhất?

## PART IV.

## B. Translation of the Dialog

Long: Why does the MIG aircraft have a name like that?

Hải: "MIG" is the abbreviated name of the chief engineer MIKOYAN and the engineer GUREVICH.

Long: Then all types of Soviet aircraft have an abbreviated name?

Hải: Right.

Long: How many generations of MIG aircraft are there in all?

Hải: Oh, let me see. The MIG-1 is the "big brother" (and) was born in 1947. After the MIG-15 came the MIG 17, 19, 21, 23, and the newest is the MIG-29.

Long: I hear that there are three models of MIG-23, is that right?

Hải: That's right. The difference between the models is only in the arrangement/positioning of the wings.

Long: And what about the MIG-29?

Hải: Aside from modern equipment, it also has the means to destroy Cruise missiles.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST  
A. (1)

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Người già sống trong thế hệ cũ.
2. Nhưng thường có quan điểm hiện đại.
3. Liên Xô quan tâm đến việc chế tạo
4. Các máy bay có tốc độ âm thanh,
5. và trang bị điện tử.
6. MIG 29 có thể tiêu diệt tên lửa hành trình.
7. MIG 23 dưới bụng có pháo hai nòng.
8. Tốc độ tối đa của máy bay
9. Cách thay đổi dạng cánh.
10. Các chuyên gia chế tạo máy bay
11. Động cơ của máy bay
12. càng ngày càng được chế tạo hoàn thiện.
13. Hôm qua là ngày ra mắt
14. của công trình sư Lê Dũng.
15. Ông ấy chế tạo kiểu cánh đuôi kép.
16. MIG 29 có nhiều ưu thế
17. và dĩ thiết bị hiện đại hơn.
18. Cánh được bố trí hẳn về phía sau.
19. Với tên lửa không đối không
20. Dưới bụng có pháo hai nòng.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Máy bay Liên Xô mang tên viết tắt của các công trình sư Liên-xô.
2. Đây là tên của các người chế tạo ra máy bay.
3. Liên Xô dùng ba kiểu máy bay để huấn luyện và chiến đấu.
4. TU, IL và MIG là tên các loại máy bay chúng ta thường nghe.
5. Chiếc MIG thứ nhất ra đời năm 1940.
6. Từ năm 1949 đến nay Liên xô chế tạo 7 kiểu MIG.
7. MIG 29 được trang bị tên lửa và pháo hai nòng.
8. Kiểu máy bay này có tốc độ gấp hai lần tốc độ âm thanh.
9. Các chuyên gia Nga vẫn nghiên cứu để hoàn thiện việc chế tạo máy bay của họ.
10. Chắc chắn một ngày gần đây sẽ xuất hiện nhiều chiếc MIG khác hiện đại hơn nhiều.

#### Translation

1. Soviet aircraft bear the abbreviated names of Soviet engineers.
2. The names are of the people who created them.
3. The Soviet Union uses three models of aircraft for training and for combat.
4. That is the name of the aircraft we often hear about.
5. The MIG-1 was born in 1940.
6. From 1940 to the present, the Soviet Union has manufactured seven models of the MIG.
7. The MIG-29 is equipped with missiles and double-barrelled cannons.
8. This aircraft model has a speed of twice that of sound.
9. Russian experts are still doing research to perfect the manufacture of their aircraft.
10. Surely one of these days soon, many more modern MIGs will appear.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Mấy tháng gần đây Liên Xô dùng máy bay Il-62 chở nhân viên và đồ trang bị xuống Đà Nẵng. Các nhân viên này sẽ dạy nhân viên kỹ thuật Việt Nam cách áp dụng điện tử vào việc bắn tên lửa không đối không.

Questions

1. Công tác của TU-95 là gì?
2. Công tác của IL-62 là gì?
3. Gần đây IL-62 hạ cánh xuống nơi nào ở Việt Nam?
4. Và chở đến Việt Nam những gì?
5. Nhân viên Liên Xô dạy nhân viên kỹ thuật Việt Nam làm gì?

Answers

1. spying
2. transporting personnel, food supplies or equipment
3. Đà Nẵng
4. personnel and equipment
5. firing of air-to-air missiles

PART V.  
B.

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Các máy bay hiện đại nối tiếp nhau ra đời.
2. Mỗi kiểu, mỗi loại đều được hoàn thiện từ động cơ cho đến đồ trang bị.
3. Nhất là các đồ thiết bị điện tử đã làm các máy bay có nhiều ưu thế hơn.
4. Vì điện tử có thể phát hiện tên lửa hành trình từ xa.
5. Và cũng có thể chặn phá các tên lửa từ xa đến.
6. Nhờ cách bố trí cánh máy bay mà tốc độ tối đa của máy bay tăng rất cao.
7. Ví dụ cánh của MIG 29 có thể thay đổi hết mức được.
8. Máy bay này có tốc độ gấp ba tốc độ âm thanh.
9. Các công trình sư Liên Xô cố gắng đẩy mạnh chương trình chế tạo máy bay.
10. Các ưu thế đó đã giúp máy bay lập nhiều chiến công hiển hách.

## PART III.

TRANSLATION  
(Vietnamese-English)

## A.

1. Vietnam and China frequently condemn each other for the violation of sovereignty in the two archipelagos: Paracel and Spratly.
2. The Paracels are about 350 km east of the city of Đà Nẵng, and the Spratlys are about 600 km southeast of Hồ Chí Minh City.
3. China occupied the Paracel Islands because this archipelago had previously belonged to China. However, no one has lived on this archipelago since 1900.
4. The Vietnamese used the Paracels as a place to repair boats, or to collect fertilizer to take back to sell to the farmers.
5. While the U.S was still in Vietnam, this archipelago was used as a target for practice firing or to test the range of missiles.
6. After 1975, Vietnam became closer friends with the Soviet Union and more distant (in relations) toward China. This happened because Vietnam received more from the Soviet Union than China, from equipment to technicians.
7. The Soviet Union also agreed with Vietnam's activities in occupying Cambodia, reasoning that Vietnam would stop China's influence in this area.
8. Upon seeing Vietnam's violation of Cambodia's territorial sovereignty, China used military measures to warn Vietnam.
9. China attacked several provinces in northern Vietnam and brought in troops to occupy the Paracel Islands.
10. At the present time, the matter of who has sovereignty in these two archipelagos has still not been resolved.

